



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 231 + 232

Ngày 01 tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

13-7-2026	Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	02
13-7-2026	Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND về ban hành các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện nhỏ và trung bình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	19

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 79/2006/QH11;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đất đai số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 16258/TTr-SNNMT-CCTL ngày 29 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Các quyết định sau bị bãi bỏ kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành Quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

c) Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về ban hành quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định cụ thể khoản 4 Điều 18a Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 (được bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14) việc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân ngoài nước có hoạt động liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố

Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Hoạt động bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai phải được chủ động thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời và hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn về người, tài sản, công trình, hạng mục công trình hạ tầng và không làm gia tăng rủi ro thiên tai, phát sinh thiên tai mới.

3. Thực hiện đồng bộ, hài hòa các biện pháp bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ.

Chương II

QUY ĐỊNH BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG CÁC KHU KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN KHÁC, ĐÔ THỊ, DU LỊCH, CÔNG NGHIỆP, DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH; ĐIỂM DU LỊCH; ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN; CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, GIAO THÔNG, ĐIỆN LỰC, VIỄN THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

Điều 3. Yêu cầu chung

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên

khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành và các quy định tại Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT).

2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác để có biện pháp ứng phó kịp thời nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

3. Tổ chức sửa chữa, khắc phục thiệt hại ban đầu các sự cố do thiên tai gây ra.

4. Có biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố; chủ động về lực lượng, phương tiện để sẵn sàng tham gia ứng phó kịp thời các tình huống thiên tai có thể xảy ra, nhất là vào mùa mưa bão. Bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong quản lý, khai thác, vận hành, sử dụng công trình; trang bị và cung cấp đầy đủ phương tiện, dụng cụ, trang thiết bị, thông tin liên lạc, bảo hộ đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố mất an toàn gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

5. Triển khai thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật khi có các hoạt động liên quan đến khu đô thị, điểm dân cư nông thôn; điểm du lịch, khu du lịch; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; khu công nghiệp; công trình giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Điều 4. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác

1. Xây dựng các phương án neo giằng kèo cột, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú (nếu có), kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm; khơi thông, duy tu sửa chữa, nâng cấp hệ thống

thoát nước nội bộ khu vực khai thác, tránh xảy ra ngập cục bộ; duy trì hoạt động bình thường của các phương tiện, trang thiết bị, nguồn điện dự phòng để chủ động trong các tình huống bất khả kháng do thiên tai gây ra.

2. Khai thác theo đúng nội dung hồ sơ đã được cấp phép. Kiểm tra các điều kiện khai thác, bảo đảm an toàn theo đúng thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt. Kiểm tra hiện trạng, đánh giá mức độ an toàn tại các khu vực khai thác, bãi thải, hồ lắng, hồ chứa chất thải, kể cả khi các khu vực này đã dừng hoạt động; thực hiện các giải pháp để đưa về trạng thái an toàn theo quy định; rà soát, bổ sung hồ sơ thiết kế, khả năng chịu tải của đê, đập, bờ bao có tính đến sự tác động của mưa bão, dòng chảy; thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan, trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, có nguy cơ sạt lở phải có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

3. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khắc phục sự cố và phục hồi môi trường sau thiên tai theo hồ sơ khai thác.

4. Đối với các moong (đáy mỏ khai thác khoáng sản lộ thiên) đã đóng hoặc tạm ngưng khai thác, đặc biệt tại khu vực đã tạo thành hố chứa nước: rào chắn xung quanh khu vực đã khai thác, phía trên các vách moong hiện hữu cấm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra, nghiêm cấm việc tắm, bơi lội, không để người dân, gia súc đi vào khu vực.

5. Thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan (bãi thải, hồ lắng, hồ chứa chất thải). Trường hợp có dấu hiệu sạt, trượt, lở đất, đá phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

Điều 5. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu đô thị, điểm dân cư nông thôn

1. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm dân cư nông thôn

a) Xây dựng, cập nhật phương án ứng phó thiên tai theo Điều 22 Luật Phòng, chống thiên tai.

b) Kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho Đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

c) Tổ chức, hướng dẫn một số giải pháp về chằng chống nhà cửa, cơ sở sản xuất bảo đảm an toàn trước mùa mưa bão. Cảnh báo và yêu cầu người dân, chủ doanh nghiệp thực hiện gia cố, chằng chống nhà cửa, cơ sở sản xuất khi có cảnh báo thiên tai.

d) Chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn cho người dân và tài sản khi có thiên tai.

Đối với các điểm dân cư nông thôn thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai phải rà soát, bố trí các điểm sơ tán dân khẩn cấp, sử dụng các công trình công cộng làm nơi tránh bão; có phương án dự trữ nước sạch, chuẩn bị, bố trí phương tiện vận chuyển nước sạch để kịp thời cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân khi hạn hán xảy ra.

đ) Tổ chức tháo dỡ các công trình tạm, vật cản; vận hành các công kiểm soát triều để thông thoáng dòng chảy, chống ngập úng khi xảy ra mưa lớn, triều cường, xả lũ.

e) Thực hiện việc nạo vét kênh, rạch, lấp đặt và vận hành các máy bơm dã chiến để cấp nước tưới phục vụ sản xuất khi hạn hán.

g) Thực hiện lắp đặt hệ thống cọc tiêu, biển cảnh báo nguy hiểm cho người và phương tiện qua lại các cầu, cống, tuyến giao thông bị ảnh hưởng bão, ngập lụt.

2. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu đô thị

a) Tổ chức thực hiện các quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tiêu thoát nước đô thị, phương án bảo vệ các công trình ngầm. Triển khai tu sửa, nạo vét, khơi thông dòng chảy trong các tuy nèn, đường cống ngầm, hố thu nước, kênh dẫn nước bảo đảm tiêu thoát nước khi có bão, mưa lớn, triều cường, xả lũ.

c) Triển khai cắt tỉa cây xanh, cắt bỏ bộ phận mục rỗng; cắt tỉa tán cây mới trồng; gia cố cọc chống đảm bảo cây không bị ngã đổ.

d) Kiểm tra, triển khai biện pháp bảo đảm an toàn hệ thống điện, chiếu sáng khu đô thị.

Điều 6. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm du lịch, khu du lịch; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng

cảnh

1. Có hướng dẫn, biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động, khách du lịch, khách tham quan vào tham quan, nghỉ dưỡng tùy theo tình hình diễn biến thời tiết, đồng thời chủ động tạm ngừng tiếp nhận khách du lịch, khách tham quan và các hoạt động ngoài trời khi có cảnh báo thiên tai.

2. Kiểm tra, rà soát thực trạng và có biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn công trình, cơ sở hạ tầng, chủ động bố trí nhân lực, phương tiện, chuẩn bị trang thiết bị và nhu yếu phẩm cần thiết để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho khách du lịch, khách tham quan.

3. Đối với các điểm du lịch, khu du lịch, khu di tích lịch sử tại các vùng trũng thấp, ven sông, ven biển, ven khu vực đồi núi phải chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho du khách và người lao động cũng như tài sản, cơ sở vật chất trước khi có bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh, sạt lở (bao gồm sạt lở đất, bờ sông, bờ biển), mưa lớn hoặc ngập lụt;

4. Thông báo đến các đơn vị quản lý của các điểm du lịch, khu du lịch, quản lý tàu, thuyền du lịch (trên sông, trên biển) và khách du lịch tuyệt đối không được tắm biển, tham gia các trò chơi dưới nước, trò chơi ngoài trời, các tàu, thuyền du lịch không được xuất bến khi có gió mạnh, mưa lớn hoặc ngập lụt.

Điều 7. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu công nghiệp

1. Xây dựng phương án và kế hoạch phòng, chống thiên tai nhằm bảo đảm an toàn cho người lao động, công trình, duy trì hoạt động của khu công nghiệp khi có các tình huống thiên tai xảy ra.

2. Chủ động chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm theo phương châm “bốn tại chỗ”. Tổ chức diễn tập phương án ứng phó thiên tai nhằm rèn luyện kỹ năng của tổ, đội xung kích phòng, chống thiên tai.

3. Trước mùa mưa bão hằng năm, kiểm tra, rà soát, đánh giá mức độ an toàn chịu lực, ổn định của nhà làm việc, nhà xưởng, nhà kho, tường rào công ngõ nhất là các khung nhà tiền chế, các kho chứa vật tư, hoá chất. Thực hiện các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn (đặc biệt hệ thống mái tôn, vách tôn, trần nhựa, cửa kính, thiết bị máy móc), tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không bảo đảm an toàn khi có thiên tai; khơi thông cống, rãnh tiêu thoát nước nội bộ chống ngập úng; cắt tia cây

xanh trong khu vực nội bộ.

4. Bảo đảm an toàn cho công trình, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp theo Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15).

5. Tổ chức kiểm tra hệ thống điện, thông tin liên lạc; triển khai biện pháp bảo đảm an toàn khi cảnh báo thiên tai. Tổ chức trực ban tiếp nhận thông tin chỉ huy, điều hành và xử lý giờ đầu các tình huống, sự cố do thiên tai gây ra. Kịp thời sơ tán người lao động, di chuyển phương tiện, tài sản theo phương án khi có lệnh.

Điều 8. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình phòng, chống thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý

Thực hiện các quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT (được sửa đổi tại khoản 2 Điều 22 và khoản 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 23 Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT).

Điều 9. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình điện lực

1. Xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai cụ thể, chi tiết, sát với thực tế, phù hợp với hiện trạng lưới điện theo phương châm “bốn tại chỗ”.

2. Kiểm tra, củng cố và khắc phục kịp thời những tồn tại của thiết bị, móng và cột điện, đường dây, trạm điện (đặc biệt là tại các địa bàn xung yếu, các cột điện ở triền dốc, bờ sông, các đường dây mới đưa vào vận hành...) để đảm bảo vận hành an toàn lưới điện trong mùa mưa bão.

3. Tuyên truyền, cảnh báo về an toàn điện trong mùa mưa bão. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành liên quan về phòng, chống thiên tai trong công tác quản lý vận hành hệ thống điện.

4. Các cơ quan, đơn vị chức năng phối hợp với Trung tâm Quản lý giao thông và hạ tầng kỹ thuật Thành phố, Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh, Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng... và chính quyền địa phương xử lý ngay các đối tượng có khả năng ngã đổ (cây xanh, bảng quảng cáo, lều, lán, hệ thống chiếu sáng đô thị...) gây ảnh hưởng đường dây điện, trạm biến áp, trụ điện.

Điều 10. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành

và sử dụng công trình viễn thông

1. Xây dựng, đầu tư cơ sở hạ tầng viễn thông (hệ thống cáp quang, hệ thống trạm thu phát sóng thông tin di động) tại các khu vực có khả năng xảy ra thiên tai.

2. Chủ đầu tư khi lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải đảm bảo các yêu cầu về phòng, chống thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, đảm bảo ổn định công trình khi xảy ra thiên tai.

3. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong hồ sơ dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông trước khi phê duyệt dự án và quyết định đầu tư.

4. Kiểm tra, gia cố các công trình viễn thông: hệ thống cáp treo ngoại vi, hệ thống hầm cáp viễn thông, tổng đài, nhà trạm, các trạm thu phát sóng thông tin di động... để đảm bảo an toàn công trình, con người khi xảy ra thiên tai.

5. Làm gọn, hạ ngầm cáp treo trên trụ điện; cải tạo, chuyển đổi hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động từ loại công kênh sang loại không công kênh.

6. Ưu tiên sử dụng hạ tầng viễn thông trong tình huống khẩn cấp phục vụ phòng, chống thiên tai. Chấp hành lệnh huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ ứng phó khẩn cấp thiên tai của cơ quan và người có thẩm quyền.

7. Thực hiện Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và nhắn tin cảnh báo thiên tai qua mạng thông tin di động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

8. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện vật chất, kỹ thuật để đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc hoạt động liên tục; tăng cường nhân lực và tổ chức các đội ứng cứu thông tin để thực hiện ngay việc sửa chữa, khắc phục hư hỏng đối với công trình viễn thông khi thiên tai xảy ra.

Điều 11. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác

1. Xây dựng phương án bảo đảm an toàn đối với công trình đang thi công, xây dựng; lập và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác bảo đảm an toàn đối với cần trục

tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa bão.

2. Xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình; tổ chức lập biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, công trình xây dựng, tài sản, thiết bị, phương tiện trong vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình; rà soát biện pháp bảo đảm an toàn định kỳ, đột xuất để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế thi công trên công trường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 18:2021/BXD về an toàn trong thi công xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát an toàn công trình, khu vực chịu tác động khi vận hành công trình và thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình.

4. Thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình theo quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên hiện trạng an toàn công trình, hạng mục công trình; chủ động thực hiện biện pháp phòng, chống, xử lý các hư hỏng để bảo đảm an toàn công trình, hạng mục công trình trước thiên tai. Sau thiên tai, thực hiện sửa chữa, khắc phục kịp thời các hư hỏng (nếu có) để đảm bảo an toàn và hiệu quả công trình.

6. Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành công trình (đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành).

7. Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ về quản lý công trình, cơ sở dữ liệu về thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

Điều 12. Nguồn tài chính bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phải cân đối các nguồn kinh phí của đơn vị để thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

Điều 13. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan tham mưu công tác phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố) và các sở, ngành, đơn vị Thành phố

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; đồng thời, tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng, mức độ an toàn phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, công trình phòng, chống thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật khác thuộc lĩnh vực môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý.

c) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị Thành phố và các địa phương kiểm tra công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố.

d) Hằng năm, rà soát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố các khu vực xung yếu, trọng điểm về phòng, chống thiên tai, công trình phòng, chống thiên tai, hệ thống truyền tin, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng và công trình khác phục vụ phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý (thực hiện trong quý II).

2. Sở Xây dựng, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Tổng công ty Điện lực Thành phố - TNHH, Viễn thông Thành phố

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; đồng thời, tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng, mức độ an toàn phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực,

viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý. Cụ thể như sau:

Sở Xây dựng chủ trì thực hiện các nội dung liên quan đến khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật khác thuộc lĩnh vực xây dựng; công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật khác thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì thực hiện các nội dung liên quan đến khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Sở Du lịch chủ trì thực hiện các nội dung liên quan đến khu du lịch, điểm du lịch.

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố thực hiện các nội dung liên quan đến khu công nghiệp; phối hợp Tổng công ty Điện lực Thành phố - TNHH thực hiện các nội dung liên quan đến công trình điện lực.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Viễn thông Thành phố thực hiện các nội dung liên quan đến công trình viễn thông.

Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố chủ trì thực hiện các nội dung liên quan đến công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trong phạm vi quản lý.

b) Báo cáo định kỳ các khu vực xung yếu, trọng điểm về phòng, chống thiên tai và phương án bảo vệ đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quý II hằng năm.

c) Tổ chức việc xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố để phối hợp chỉ đạo ứng phó.

d) Vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ các chế độ,

chính sách, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan có thẩm quyền quy định để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai thuộc Quy định này và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành việc thực hiện dự toán có liên quan, đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 14. Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đồng thời, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện bảo đảm yêu cầu về phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn quản lý.

2. Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc trong việc quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn quản lý.

3. Lồng ghép nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác vào phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai của địa phương; có kế hoạch sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị theo phương châm “bốn tại chỗ” để xử lý kịp thời, hiệu quả khi có tình huống thiên tai xảy ra.

4. Tổ chức việc xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai; sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng, báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành để giải quyết kịp thời.

5. Báo cáo định kỳ các khu vực xung yếu, trọng điểm về phòng, chống thiên tai và phương án bảo vệ đối với các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng

cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quý II hằng năm.

Điều 15. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác

1. Tổ chức xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai; phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành, khai thác công trình, hạng mục công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

2. Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

3. Xây dựng, kiện toàn lực lượng, phân công thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai; rà soát, xây dựng, ban hành nội quy, quy chế hoạt động trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

4. Tổ chức tập huấn, huấn luyện kỹ năng phòng, chống thiên tai; cung cấp đầy đủ kiến thức về thiên tai, tác động của thiên tai, biện pháp trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công nhân, người lao động trong phạm vi quản lý.

5. Xử lý hoặc phối hợp xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố và khắc phục hậu quả thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng trong phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để giải quyết.

6. Rà soát, xác định các khu vực trọng điểm, xung yếu về phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án bảo vệ khu vực trọng điểm, xung yếu (nếu có) thuộc phạm vi quản lý.

7. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành sử dụng công trình.

8. Thực hiện báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng, chống thiên tai.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Đối với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố, các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu

1. Hằng năm, các cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác của các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc phạm vi quản lý.

2. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp tổ chức các hoạt động kiểm tra định kỳ và đột xuất nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai nhằm đôn đốc và chấn chỉnh kịp thời các thiếu sót, vi phạm để tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai.

Điều 17. Đối với Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan

Chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra và tự kiểm tra nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác phù hợp với nhiệm vụ được giao. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật
dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện nhỏ và trung bình
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 293/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và xã hội về hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí Ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 21101/TTr-SXD ngày 16 tháng 6 năm 2026 về Ban hành các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện nhỏ và trung bình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định về ban hành các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện nhỏ và trung bình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện nhỏ và trung bình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện nhỏ và trung bình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

Ban hành các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện nhỏ và trung bình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

Các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện nhỏ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: thực hiện theo Phụ lục I.

Các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trung bình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: thực hiện theo Phụ lục II.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả Quyết định này; thường xuyên tổ chức rà soát, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa

đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ khi không còn phù hợp.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.
2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nguyên Đình

Phụ lục I
CÁC BỘ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT NHÓM XE BUÝT ĐIỆN NHỎ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(TỪ 9 CHỖ ĐẾN 40 CHỖ¹)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐỊNH MỨC KHẤU HAO XE ĐIỆN NHỎ

Loại xe	Tỷ lệ khấu hao/năm
Xe buýt điện nhỏ	10%

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG CỦA LÁI XE, NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE

STT	Chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật	Đơn vị	Định mức xe buýt điện nhỏ	
			Lái xe	Nhân viên phục vụ trên xe
1	Thời gian làm việc 1 ca xe	Phút	480	480
2	Số ngày làm việc trong tháng	Ngày	26	26
3	Số ngày làm việc trong năm	Ngày	312	312
4	Hệ số ca xe bình quân/ngày	Ca xe	2	2
5	Hành trình bình quân 1 ca xe	km/xe/ca	156	156
6	Số lao động (lái xe, nhân viên phục vụ trên xe)	Người /ca xe	1	1

ĐỊNH MỨC TIỀN LƯƠNG CHO LÁI XE, NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE

STT	Chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật	Đơn vị	Định mức xe buýt điện nhỏ
1	Bậc lương lái xe	Bậc	3/4
2	Hệ số lương lái xe		3,25
3	Bậc lương nhân viên phục vụ trên xe	Bậc	3/7
4	Hệ số lương nhân viên phục vụ trên xe		2,16
5	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (Vùng 1)		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước
6	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (Vùng 2)		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

¹ Số chỗ bao gồm số chỗ lái xe

7	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (Vùng 3)		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước
8	Tiền lương cơ sở		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước
9	Các khoản trích nộp theo lương		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

Ghi chú:

1. Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp

2. Ăn ca

3. Lương cơ bản

Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

4. Lương lái xe, nhân viên phục vụ trên xe = Hệ số lương x Mức lương cơ sở x (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương)

ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

TT	Loại xe	Đơn vị	Định mức
1	Xe buýt điện nhỏ	kWh/100 km	45,8

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP I

Loại xe	Bảo dưỡng cấp I (Km)
Xe buýt điện nhỏ	10.000; 30.000 và 50.000

NỘI DUNG CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CẤP I CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi.
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
8	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh
9	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.

STT	Nội dung công việc
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần
11	Kiểm tra bi chữ thập, khớp nối truyền động các đăng, bu lông trục các đăng
12	Kiểm tra các rotuyn, thanh lái dọc, thanh lái ngang
13	Kiểm tra các đường ống dầu trợ lực lái, bơm tay lái
14	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
15	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
18	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.
19	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.
20	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...
21	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
22	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe
23	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống camera quan sát
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP I CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)	0,5	3
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	3
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi .	1	4
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
	của Động cơ		
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	2
7	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	4
8	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh	1	4
9	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	3
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần	0,5	3
11	Kiểm tra bi chữ thập, khớp nối truyền động các đăng, bu lông trục các đăng	0,5	4
12	Kiểm tra các rotuyn, thanh lái dọc, thanh lái ngang	0,5	4
13	Kiểm tra các đường ống dầu trợ lực lái, bơm tay lái	0,5	3
14	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	2
15	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	3
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	4
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	2
18	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.	1,5	3
19	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.	0,5	2
20	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...	1,5	4
21	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
22	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	4
23	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	4
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...	0,5	4
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
	Tổng	19,5	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP I CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Tên Vật Tư	Đơn Vị	Số Lượng
1	Dầu rửa	Lít	1
2	Mỡ bơm	Kg	1
3	Vải lau	Kg	1
4	Nước làm mát	Lít	4
5	Băng keo điện	Cuộn	8
6	Giấy nhám	Tờ	3

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP II CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

Loại xe	Bảo dưỡng cấp II (Km)
Xe buýt điện nhỏ	20.000

NỘI DUNG CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CẤP II CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi.
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ biến tần
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp quản lý pin cao áp
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ điều khiển 4 in 1
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển động cơ
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp BCM
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển nguồn máy lạnh ACM

STT	Nội dung công việc
13	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại toàn bộ các vị trí bulong gầm
14	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh
16	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
17	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần
18	Kiểm tra bi chữ thập, khớp nối truyền động các đăng, bu lông trục các đăng
19	Kiểm tra các rotuyn, thanh lái dọc, thanh lái ngang
20	Kiểm tra các đường ống dầu trợ lực lái, bơm tay lái
21	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
22	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
23	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
25	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.
26	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.
27	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...
28	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
29	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát
31	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa ,công tắc báo xuống xe...
32	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP II CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)	0,5	3
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận,	0,5	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
	chắc chắn theo quy định.		
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi .	1	4
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	4
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	2
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ biến tần	1	4
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp quản lý pin cao áp	0,5	4
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ điều khiển 4 in 1	0,5	4
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển động cơ	0,5	4
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp BCM	0,5	4
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển nguồn máy lạnh ACM	0,5	4
13	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại toàn bộ các vị trí bulong gầm	1	4
14	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	4
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh	1	4
16	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	3
17	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần	0,5	3
18	Kiểm tra bi chữ thập, khớp nối truyền động các đăng, bu lông trục các đăng	0,5	4
19	Kiểm tra các rotuyn, thanh lái dọc, thanh lái ngang	0,5	4
20	Kiểm tra các đường ống dầu trợ lực lái, bơm tay lái	0,5	3
21	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	2
22	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
23	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	4
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	2
25	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.	1,5	3
26	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.	0,5	2
27	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...	1,5	4
28	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
29	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	4
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	4
31	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...	0,5	4
32	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
Tổng		24	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP II CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Tên Vật Tư	Đơn Vị	Số Lượng
1	Dầu rửa	Lít	1
2	Mỡ bơm	Kg	1
3	Vải lau	Kg	2
4	Nước làm mát	Lít	4
5	Băng keo điện	Cuộn	5
6	Giấy nhám	Tờ	3

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP III CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

Loại xe	Bảo dưỡng cấp III (Km)
Xe buýt điện nhỏ	40.000

NỘI DUNG CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CẤP III CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi.
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
8	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần.
9	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
10	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
11	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh
13	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của nhíp trước, quang nhíp; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
14	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của nhíp sau, quang nhíp; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
15	Kiểm tra hoạt động của các cảm biến, vệ sinh cảm biến, giắc cắm
16	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ.
17	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
18	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp, thực hiện cân bằng lốp
19	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe
20	Kiểm tra thay dầu trợ lực lái
21	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
22	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
23	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.
24	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.
25	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết

STT	Nội dung công việc
	chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...
26	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
27	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe
29	Kiểm tra lưới gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần
30	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
31	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
32	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe
33	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát
34	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...
35	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP III CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)	0,5	3
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	3
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi .	1	4
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	4
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	2
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	3
8	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần.	0,5	3
9	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
10	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	4
11	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan	1	4
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh	1	4
13	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của nhíp trước, quang nhíp; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	4
14	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của nhíp sau, quang nhíp; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	4
15	Kiểm tra hoạt động của các cảm biến, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	4
16	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ.	4	4
17	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	4
18	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp, thực hiện cân bằng lốp	2	4
19	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	4
20	Kiểm tra thay dầu trợ lực lái	0,5	2
21	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	3
22	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	2
23	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.	1,5	3
24	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.	0,5	2
25	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...	1,5	4
26	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
27	Kiểm tra hoạt động Đền, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1	3
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	1	3
29	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần	0,5	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
30	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,5	3
31	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
32	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	4
33	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	4
34	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...	0,5	4
35	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Tổng	35,5	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP III CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Tên Vật Tư	Đơn Vị	Số Lượng
1	Dầu rửa	Lít	1
2	Mỡ bơm	Kg	1
3	Vải lau	Kg	2
4	Nước làm mát	Lít	9
5	Dầu trợ lực tay lái	Lít	4,7
6	Lọc gió máy nén	Cái	1

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP IV CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

Loại xe	Bảo dưỡng cấp IV (Km)
Xe buýt điện nhỏ	60.000

NỘI DUNG CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CẤP IV CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển

STT	Nội dung công việc
	thị lỗi.
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ biến tần
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp quản lý pin cao áp
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ điều khiển 4 in 1
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển động cơ
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp BCM
13	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển máy lạnh ACM
14	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
15	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần.
16	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
17	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh
18	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
19	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan
20	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
21	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
22	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống
23	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của nhíp trước, quang nhíp; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
24	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của nhíp sau, quang nhíp; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
25	Kiểm tra hoạt động của các cảm biến, vệ sinh cảm biến, giắc cắm
26	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ.
27	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
28	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp, thực hiện cân bằng lốp
29	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe
30	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại toàn bộ các vị trí bulong gầm
31	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
32	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.

STT	Nội dung công việc
33	Kiểm tra đường ống làm mát pin và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
34	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
35	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát Pin (BMS): Sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn
36	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát Pin (BMS) Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)
38	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.
39	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)
40	Kiểm tra rò rỉ trên các đường ống điều hòa, mối nối, mối hàn, van, ...
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm
43	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước và cửa sau
44	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước, cửa sau
45	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước, cửa sau
46	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...
47	Kiểm tra lưới gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
48	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
49	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)
50	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
51	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
52	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe
53	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
54	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
55	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe
56	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.+

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP IV CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)	0,5	3
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.	2	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	3
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi .	1	4
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	4
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	2
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	1	4
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ biến tần	1	4
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp quản lý pin cao áp	0,5	4
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ điều khiển 4 in 1	0,5	4
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển động cơ	0,5	4
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp BCM	0,5	4
13	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển máy lạnh ACM	0,5	4
14	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	3
15	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần.	0,5	3
16	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	3
17	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh	1	4
18	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	4
19	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan	1	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
20	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	2
21	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	3
22	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống	0,5	3
23	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của nhíp trước, quang nhíp; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	4
24	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của nhíp sau, quang nhíp; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	4
25	Kiểm tra hoạt động của các cảm biến, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	4
26	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ.	4	4
27	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	4
28	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp, thực hiện cân bằng lốp	2	4
29	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	4
30	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại toàn bộ các vị trí bulong gầm	1	4
31	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	2
32	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.	0,5	2
33	Kiểm tra đường ống làm mát pin và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
34	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
35	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát Pin (BMS): Sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn	1	4
36	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát Pin (BMS) Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	1	4
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)	1	4
38	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.	1,5	4
39	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1	4
40	Kiểm tra rò rỉ trên các đường ống điều hòa, mối nối, mối hàn,	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
	van, ...		
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa	0,5	4
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,5	4
43	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước và cửa sau	1	3
44	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước, cửa sau	1	3
45	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước, cửa sau	1	3
46	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...	1,5	4
47	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,5	3
48	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
49	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	1	4
50	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
51	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1	3
52	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	3
53	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,5	4
54	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,5	3
55	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	4
56	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	4
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...	0,5	4
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Tổng	52	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP IV CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Tên Vật Tư	Đơn Vị	Số Lượng
1	Dầu rửa	Lít	1
2	Mỡ bơm	Kg	4
3	Vải lau	Kg	2
4	Nước làm mát	Lít	4
5	Băng keo điện	Cuộn	5
6	Giấy nhám	Tờ	3

ĐỊNH NGẠCH SỬA CHỮA LỚN XE VÀ TỔNG THÀNH CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

Loại xe	Định mức sửa chữa lớn lần đầu (1000 Km)			
	Phần Gầm và truyền lực	Phần Điện	Điều hòa (Phần Lạnh)	Phần Đồng Sơn Thân và Khung Xe
Xe buýt điện nhỏ	250	250	250	250

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
I.	PHẦN GẦM, TRUYỀN LỰC		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	3
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, ... Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	45	3
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe, tháo toàn bộ hệ thống lốp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan	7	3
4	Chẩn đoán tình trạng xe bằng thiết bị chuẩn đoán	0,5	3
5	Tháo các cụm tổng thành khỏi xe và lắp sau sửa chữa		
	Tháo, lắp các bánh xe	3	2
	Tháo, lắp trục các đăng	1,5	2

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
	Tháo, lắp moay ơ	13	3
	Tháo, lắp dầm cầu sau	18	3
	Tháo, lắp hệ thống thanh giằng cầu trước	18	3
	Tháo, lắp hệ thống phanh, đĩa phanh, cụm phanh, bầu phanh trước, sau	6	3
	Tháo, lắp hệ thống lái, trợ lực lái	7	3
	Tháo, lắp bình hơi	2	3
6	Kiểm tra các chi tiết khi tháo, đo đặc các thông số kỹ thuật theo quy định của nhà sản xuất và lập phương án sửa chữa chi tiết.	36	4
7	Sửa chữa, thay thế các chi tiết trục các đăng	6	4
8	Sửa chữa các cụm moay ơ và các chi tiết liên quan	46	4
9	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái.		
	Thay bạc + ốc phi dê	15	4
	Thay rô tuyn + cao su thanh giằng cầu trước	12	4
	Thay bộ roong phốt hộp cơ cầu lái (bót tay lái)	10	4
	Thay bơm trợ lực lái	5	4
	Thay ống dầu trợ lực lái	4	4
	Thay ổ bi chữ thập trục tay lái	3	4
	Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trục tay lái	13	4
10	Sửa chữa hệ thống treo		
	Thay Nhíp + quang nhíp	7	4
	Thay Ốc nhíp + cao su giảm chấn	7	4
	Thay thế phuộc giảm chấn (xe)	5	3
	Thay thế cao su giằng cầu	4	4
11	Sửa chữa, thay thế hệ thống phanh		
	Thay thế các ống dẫn hơi hệ thống phanh	6	4
	Thay tổng phanh hoặc bộ sin tổng phanh	5	4
	Thay bộ đĩa chia hơi phanh	3	4
	Thay rơ le van đóng mở hơi các loại	5	4
	Sửa chữa, thay thế cụm phanh lock kê (phanh tay)	4	3
	Thay bầu phanh 4 bánh	5	4
	Sửa chữa, thay thế đĩa phanh 4 bánh	5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
	Thay má phanh 4 bánh	4	4
12	Thay đế + bầu lọc tách nước hơi khí nén	3	4
13	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống vành bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ đội Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao.	22	4
	Cộng	359	
II.	PHẦN ĐIỆN		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	3
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, ... Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	30	3
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết và các cụm chi tiết ra khỏi xe		
	Tháo, lắp động cơ điện	15	4
	Tháo, lắp các cụm đèn trước, sau	4	4
	Tháo, lắp đèn mui xe	2	4
	Tháo, lắp đèn trong xe	22	4
	Tháo, lắp Pin (1 pack)	3	4
	Tháo, lắp bộ biến tần	5	4
	Tháo, lắp bộ BCM	2	4
	Tháo, lắp hộp 4 in 1	4	4
	Tháo, lắp hộp điều khiển làm mát Pin BMS	3	4
	Tháo, lắp loa, radio, micro...	3	4
	Tháo, lắp khoang táp lô	3	4
	Tháo, lắp bộ gạt mưa	2	4
	Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa (bao gồm van cơ khí, piston xy lanh đóng mở cửa và cả các thanh giằng rô tuyn cửa)	4	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
	Tháo, lắp bộ dây điện đầu xe, hộp cầu chì	12	4
	Tháo, lắp bộ dây điện trần xe (tính cả ốp hông và ốp trần)	20	4
	Tháo, lắp bộ dây điện chassi	24	4
	Tháo, lắp bộ dây điện đuôi xe	12	4
	Tháo, lắp bộ dây điện khoang động cơ	16	4
	Tháo, lắp hệ thống điều khiển role, cầu chì, ắc quy	8	4
4	Sửa chữa động cơ điện		
	Thay vòng bi	10	4
	Đo kiểm tra rô to, stato	8	4
5	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18	4
6	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18	3
7	Sửa chữa bó dây chassi, thay dây mới	18	4
8	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	20	4
9	Hệ thống làm mát Pin		
	Tháo, lắp bơm nước	3	4
	Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	5	4
	Tháo, lắp cảm biến nhiệt độ	1	4
	Tháo, lắp bình nước phụ	1	3
	Thay thế dung dịch làm mát	2	4
	Tháo, lắp dàn lạnh, dàn nóng	2	4
10	Hệ thống làm mát động cơ điện, BCM, bộ biến tần, hộp 4 in 1		
	Tháo, lắp bơm nước	1	4
	Tháo, lắp két nước	1,5	4
	Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	3	4
	Tháo, lắp bình nước phụ	0,5	3
	Thay thế dung dịch làm mát	2	4
11	Kiểm tra sửa chữa, thay thế đèn led	24	4
12	Kiểm tra sửa chữa, thay thế camera	6	4
13	Kiểm tra sửa chữa, thay thế màn hình quảng cáo	8	4
14	Kiểm tra sửa chữa, thay thế công tắc báo xuống xe	4	4
15	Kiểm tra sửa chữa, thay thế các cổng sạc trên xe	4	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
16	Kiểm tra sửa chữa, thay thế ắc quy 12V- 90AH	2	3
17	Kiểm tra hoàn thiện và bàn giao	6	4
	Cộng	365	
III.	PHẦN ĐIỀU HÒA (LẠNH)		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, ... Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	25	3
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết và các cụm chi tiết ra khỏi xe		
	Thu hồi ga	1,5	4
	Tháo, lắp quạt dàn nóng, dàn lạnh	2,5	4
	Tháo, lắp dàn nóng	3,5	4
	Tháo, lắp dàn lạnh	4,6	4
	Tháo, lắp hệ thống đường ống cao áp, thấp áp	19	4
	Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	24	4
	Tháo, lắp máy nén điều hòa	2,4	4
	Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,5	4
	Tháo, lắp công tắc điều khiển	1	4
	Tháo, lắp hệ thống dây điện	15	4
	Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25	4
	Tháo, lắp hộp DC-DC chuyển đổi và phân phối điện cho hệ thống điều hòa	3	4
	Tháo, lắp fill lọc ga điều hòa	3	4
	Tháo, lắp van tiết lưu	3	4
4	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh.	7	4
5	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn nóng, thay thế	18	4
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn lạnh, thay	18	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
	thế		
7	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	18	4
8	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển.	9	4
9	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9	4
10	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9	4
11	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4	4
	Cộng	231	
IV.	PHẦN ĐỒNG SƠN THÂN VÀ KHUNG XE		
1	Tháo dỡ toàn bộ kính, tôn vỏ, ghế đệm, cửa xe, bậc lên xuống, chấn bùn xe	60	4
2	Sửa chữa phục hồi các khung cửa vỏ xe	450	3
3	Sửa chữa phục hồi phần vỏ, bậc lên xuống, chấn bùn xe	450	3
4	Sửa chữa phục hồi các ghế, đệm tựa, lắp ráp hoàn chỉnh lên xe	350	4
5	Sửa chữa phục hồi các dầm, xà, sàn xe, lớp bọc lót thành trong xe	450	4
6	Sửa chữa phục hồi, cửa lên xuống, các khung cửa kính, cửa thông gió	120	4
7	Lắp ráp hoàn chỉnh	100	4
8	Làm sạch bề mặt tôn vỏ xe, sàn xe, sơn chống gỉ sàn xe, ma tít, sơn lót toàn phần trong và ngoài vỏ xe, sơn bóng toàn bộ xe, sơn biển số hông xe, dán decal chữ trong và ngoài xe	350	4
	Cộng	2.330	

ĐỊNH MỨC PHỤ TÙNG CHO SỬA CHỮA LỚN CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
I.	PHẦN GÀM, TRUYỀN LỰC		
1	Cầu trước, sau	bộ	500.000
2	Moay ơ trước, sau	cái	300.000
3	Nhíp + quang nhíp	bộ	150.000
4	Ắc nhíp + cao su giảm chấn	bộ	200.000

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
5	Tổng phanh	cái	120.000
6	Cảm biến báo mòn má phanh	bộ	120.000
7	Cảm biến ABS	cái	120.000
8	Hộp tay lái (bót lái)	cái	300.000
9	Vô lăng tay lái + phím nhấn còi	bộ	300.000
10	Vòng bi moay ơ	cái	80.000
11	Bạc đạn chữ thập, gối đỡ, bi trung gian các đăng	bộ	80.000
12	Trục các đăng (láp)	cái	200.000
13	Bơm trợ lực tay lái	cái	100.000
14	Bánh răng các loại	bộ	300.000
15	Giảm xóc	cái	80.000
16	Xi lanh đóng mở cửa hơi	cái	100.000
17	Bầu phanh trước, sau	cái	200.000
18	Da bầu phanh trước, sau	cái	60.000
19	Gioăng phốt tay lái	bộ	100.000
20	Gioăng phốt cầu sau	bộ	60.000
21	Phốt moay ơ	bộ	20.000
22	Bulông tắc kê	cái	100.000
23	Ắc phi dê	bộ	100.000
24	Rô tuyền tay lái	cái	100.000
25	Trục láp	cái	250.000
26	Trục ba ngang, ba dọc	bộ	250.000
27	Bánh răng vành chậu quả dứa	cái	250.000
28	Bộ công tắc điều khiển hộp số	bộ	100.000
29	Đĩa phanh	cái	120.000
30	La zăng	cái	120.000
31	Séc măng bơm hơi	bộ	60.000
32	Xi lanh, piston bơm hơi	cái	120.000
33	Tay lock kê (phanh tay)	bộ	250.000
34	Bình chứa hơi	cái	250.000
35	Các loại ống hơi	cái	60.000
36	Các loại vòng bi cầu	cái	150.000
37	Các loại cao su giảm chấn	cái	40.000

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
38	Bạc và ốc giằng cầu	cái	80.000
II.	PHẦN ĐIỆN		
1	Vòng bi động cơ điện 3 pha	cái	200.000
2	Bơm nước làm mát động cơ	cái	200.000
3	Bơm hơi (máy nén khí)	cái	250.000
4	Bơm nước làm mát Pin	bộ	250.000
5	Hộp 4 in 1	hộp	250.000
6	Bộ biến tần	bộ	250.000
7	Hộp quản lý pin cao áp	hộp	250.000
8	Hộp điều khiển động cơ	hộp	250.000
9	Hộp BCM	hộp	250.000
10	Hộp điều khiển máy lạnh ACM	hộp	250.000
11	Hộp điều làm mát Pin BMS	hộp	250.000
12	Pin xe (5 pack pin)	hộp	500.000
13	Hộp điều khiển VCU (Điều khiển toàn bộ hệ thống điện)	hộp	250.000
14	Hộp MOTOR CONTROLLER	hộp	250.000
15	Máy nén khí	cái	250.000
16	Bộ điều khiển máy nén khí	bộ	250.000
17	Động cơ điện dẫn động bơm tay lái	cái	250.000
18	Bộ điều khiển bơm trợ lực tay lái	bộ	250.000
19	Bơm nước điện	cái	250.000
20	Quạt giải nhiệt két nước	cái	250.000
21	Bộ điều khiển quạt giải nhiệt két nước	bộ	250.000
22	Còi điện	bộ	50.000
23	Mô tơ gạt mưa	cái	100.000
24	Thanh truyền gạt mưa	bộ	200.000
25	Rơ le cắt mass	cái	100.000
26	Đèn pha, cos, xinhan trước	cái	100.000
27	Các đèn sau (đèn phanh, đèn lùi, đèn xi nhan)	cái	100.000
28	Bóng đèn các loại	cái	20.000
29	Rơ le các loại	cái	80.000
30	Công tắc các loại	cái	60.000
31	Dây cáp ắc quy	cái	160.000

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
32	Đồng hồ các loại	bộ	160.000
33	Bộ đóng mở cửa điện	cái	120.000
34	Các loại cảm biến	bộ	60.000
35	Van điều khiển điện từ	cái	120.000
36	Đèn Led xung quanh xe	cái	200.000
37	Bảng điều khiển đèn Led	cái	150.000
38	Camera	cái	200.000
39	Đầu ghi camera	cái	200.000
40	Đèn trần	bộ	120.000
41	Cần, chổi gạt mưa	bộ	60.000
42	Hệ thống loa thông báo điểm dừng	bộ	200.000
43	Đầu radio casset	cái	200.000
III.	PHẦN ĐIỀU HÒA (LẠNH)		
1	Bình lọc, làm khô	cái	80.000
2	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	130.000
3	Mô tơ quạt dàn nóng	cái	130.000
4	Lưới lọc	bộ	50.000
5	Van tiết lưu	cái	130.000
6	Ống cao su	bộ	130.000
7	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	cái	130.000
8	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	cái	100.000
9	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	bộ	130.000
10	Máy nén lạnh	bộ	300.000
11	Dàn lạnh	cái	300.000
12	Dàn nóng	cái	300.000
13	Bảng điều khiển	bộ	200.000
14	Công tắc áp suất	cái	200.000
15	Cụm đường ống cao áp	bộ	300.000
16	Cụm đường ống thấp áp	bộ	300.000
17	Bình chứa	cái	300.000
18	Thay gas lạnh	kg	80.000
19	Thay dầu máy nén lạnh	ml	80.000

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ SỬA CHỮA LỚN CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số Lượng
I.	PHẦN GÀM, TRUYỀN LỰC		
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	25
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10
3	Năng lượng điện chạy thử	KWh	10
4	Keo làm kín (keo dán roong)	tuýp	2
5	Giẻ lau	Kg	5
6	Giấy nhám	Tờ	5
7	Mỡ moay ơ	Kg	6
8	Mỡ bơm	Kg	1
II.	PHẦN ĐIỆN		
1	Băng keo điện	Cuộn	5
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2
3	Năng lượng điện chạy thử	KWh	10
4	Dây điện	mét	150
5	Dây rút các loại	cái	80
6	Giấy nhám	Tờ	5
7	Chất tẩy rửa RP7	Bình	2
8	Giẻ lau	Kg	2
III.	PHẦN ĐIỀU HÒA (LẠNH)		
1	Băng keo điện	Cuộn	5
2	Dây điện	mét	8
3	Dây rút các loại	cái	80
4	Giấy nhám	Tờ	5
5	Chất tẩy rửa RP7	Bình	1
6	Giẻ lau	Kg	2
7	Năng lượng điện chạy thử	KWh	10
IV.	PHẦN ĐỒNG SƠN THÂN VÀ KHUNG XE		
1	Sơn chống gỉ	lít	12
2	Sơn ghi lót	lít	2,5
3	Sơn màu	lít	12
4	Sơn gầm xe ô tô	lít	6
5	Đồng cứng lót	lít	5

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số Lượng
6	Dung môi pha sơn	lít	3
7	Mỡ bơm	lít	1
8	Giấy nhám các loại	tờ	15
9	Đồng cứng màu	lít	1
10	Bả keo hai thành phần	kg	36
11	Giấy nhám đĩa để mài	cái	80
12	Băng dính	cuộn	8
13	Giấy báo	kg	4
14	Giẻ lau	kg	5

ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG LỚP CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

TT	Loại xe	Số lượng (bộ)	Định ngạch sử dụng (1.000 km)
1	Xe buýt điện nhỏ	6	50

ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG ẮC QUY CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

TT	Loại xe	Chủng loại	Số lượng (bộ)	Định ngạch sử dụng (tháng)
1	Xe buýt điện nhỏ	80 Ah	2	18

ĐỊNH MỨC QUẢN LÝ CHUNG CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức quản lý chung	%	5

Ghi chú: Định mức quản lý chung được xác định tỷ lệ % chi phí trực tiếp.

ĐỊNH MỨC LỢI NHUẬN ĐỊNH MỨC CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức lợi nhuận định mức	%	4,5

Ghi chú: Định mức lợi nhuận định mức được xác định tỷ lệ % (chi phí trực tiếp + chi phí chung)

ĐỊNH MỨC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH ÁP DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức quản lý, vận hành, áp dụng khoa học công nghệ	%	Được xác định theo tỷ lệ % chi phí so với chi phí trực tiếp vận hành trong đơn giá được duyệt

Ghi chú: Định mức quản lý, vận hành áp dụng khoa học công nghệ được xác định bằng tỷ lệ % chi phí vận hành áp dụng khoa học công nghệ (bao gồm chi phí khấu hao hệ thống khoa học công nghệ, chi phí lao động vận hành, năng lượng vận hành, chi phí bảo dưỡng duy trì hệ thống khoa học công nghệ) so với chi phí trực tiếp

ĐỊNH MỨC TRẠM SẠC CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức trạm sạc	%	Được xác định theo tỷ lệ % chi phí so với chi phí trực tiếp vận hành trong đơn giá được duyệt

Ghi chú: Định mức trạm sạc được xác định bằng tỷ lệ % chi phí trạm sạc (bao gồm chi phí khấu hao trạm sạc, hạ tầng phục vụ trạm sạc, chi phí lao động vận hành, năng lượng vận hành, chi phí bảo dưỡng duy trì trạm sạc) so với chi phí trực tiếp.

ĐỊNH MỨC KHÁC CHO XE BUÝT ĐIỆN NHỎ

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Bảo hiểm trách nhiệm dân sự	Lần/năm	1
2	Kiểm định	Lần/năm	1,4
3	Bảo trì đường bộ	Lần/năm	1

Phụ lục II
CÁC BỘ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT NHÓM XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(TỪ 41 CHỖ ĐẾN 60 CHỖ²)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐỊNH MỨC KHẤU HAO XE ĐIỆN TRUNG BÌNH

Loại xe	Tỷ lệ khấu hao/năm
Xe buýt điện trung bình	10%

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG CỦA LÁI XE, NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE

STT	Chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật	Đơn vị	Định mức xe buýt điện trung bình	
			Lái xe	Nhân viên phục vụ trên xe
1	Thời gian làm việc 1 ca xe	Phút	480	480
2	Số ngày làm việc trong tháng	Ngày	26	26
3	Số ngày làm việc trong năm	Ngày	312	312
4	Hệ số ca xe bình quân/ngày	Ca xe	2	2
5	Hành trình bình quân 1 ca xe	km/xe/ca	144	144
6	Số lao động (lái xe, nhân viên phục vụ trên xe)	Người /ca xe	1	1

ĐỊNH MỨC TIỀN LƯƠNG CHO LÁI XE, NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE

STT	Chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật	Đơn vị	Định mức xe buýt điện trung bình
1	Bậc lương lái xe	Bậc	3/4
2	Hệ số lương lái xe		3,44
3	Bậc lương nhân viên phục vụ trên xe	Bậc	3/7
4	Hệ số lương nhân viên phục vụ trên xe		2,16
5	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (Vùng 1)		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước
6	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (Vùng 2)		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước
7	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (Vùng 3)		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

² Số chỗ bao gồm số chỗ lái xe

8	Tiền lương cơ sở		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước
9	Các khoản trích nộp theo lương		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

Ghi chú:

5. Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp

6. Ăn ca

7. Lương cơ bản

Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

8. Lương lái xe, nhân viên phục vụ trên xe = Hệ số lương x Mức lương cơ sở x (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương)

ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

TT	Loại xe	Đơn vị	Định mức
1	Xe buýt điện trung bình	kWh/100 km	60,3

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP I

Loại xe	Bảo dưỡng cấp I (Km)
Xe buýt điện trung bình	10.000; 30.000 và 50.000

NỘI DUNG CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CẤP I CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi .
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
8	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh
9	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần
11	Kiểm tra bi chữ thập, khớp nối truyền động các đăng, bu lông trục các đăng

STT	Nội dung công việc
12	Kiểm tra các rotuyn, thanh lái dọc, thanh lái ngang
13	Kiểm tra các đường ống dầu trợ lực lái, bơm tay lái
14	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
15	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
18	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.
19	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.
20	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...
21	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
22	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe
23	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP I CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)	0,5	3
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	3
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi	1	4
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
	Động cơ		
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	2
7	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	4
8	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh	1	4
9	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	3
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần	0,5	3
11	Kiểm tra bi chữ thập, khớp nối truyền động các đăng, bu lông trục các đăng	0,5	4
12	Kiểm tra các rotuyn, thanh lái dọc, thanh lái ngang	0,5	4
13	Kiểm tra các đường ống dầu trợ lực lái, bơm tay lái	0,5	3
14	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	2
15	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	3
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	4
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	2
18	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.	1,5	3
19	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.	0,5	2
20	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...	1,5	4
21	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
22	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	4
23	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	4
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...	0,5	4
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Tổng	20	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP I CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Tên Vật Tư	Đơn Vị	Số Lượng
1	Dầu rửa	Lít	1
2	Mỡ bơm	Kg	1
3	Vải lau	Kg	1
4	Nước làm mát	Lít	5
5	Băng keo điện	Cuộn	10
6	Giấy nhám	Tờ	3

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP II CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

Loại xe	Bảo dưỡng cấp II (Km)
Xe buýt điện trung bình	20.000

NỘI DUNG CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CẤP II CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi .
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ biến tần
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp quản lý pin cao áp
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ điều khiển 4 in 1
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển động cơ
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp BCM
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển nguồn máy lạnh ACM
13	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại toàn bộ các vị trí bulong gầm
14	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh
16	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.

STT	Nội dung công việc
17	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần
18	Kiểm tra bi chữ thập, khớp nối truyền động các đăng, bu lông trục các đăng
19	Kiểm tra các rotuyn, thanh lái dọc, thanh lái ngang
20	Kiểm tra các đường ống dầu trợ lực lái, bơm tay lái
21	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
22	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
23	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
25	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.
26	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.
27	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...
28	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
29	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát
31	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...
32	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP II CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)	0,5	3
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	3
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị	1	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
	lỗi		
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	4
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	2
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ biến tần	1	4
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp quản lý pin cao áp	0,5	4
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ điều khiển 4 in 1	0,5	4
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển động cơ	0,5	4
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp BCM	0,5	4
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển nguồn máy lạnh ACM	0,5	4
13	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại toàn bộ các vị trí bulong gầm	1	4
14	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	4
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh	1	4
16	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	3
17	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần	0,5	3
18	Kiểm tra bi chữ thập, khớp nối truyền động các đăng, bu lông trục các đăng	0,5	4
19	Kiểm tra các rotuyn, thanh lái dọc, thanh lái ngang	0,5	4
20	Kiểm tra các đường ống dầu trợ lực lái, bơm tay lái	0,5	3
21	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	2
22	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	3
23	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	4
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	2
25	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.	1,5	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
26	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.	0,5	2
27	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...	1,5	4
28	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
29	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	4
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	4
31	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...	0,5	4
32	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Tổng	24,5	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP II CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Tên Vật Tư	Đơn Vị	Số Lượng
1	Dầu rửa	Lít	1
2	Mỡ bơm	Kg	1
3	Vải lau	Kg	2
4	Nước làm mát	Lít	5
5	Băng keo điện	Cuộn	5
6	Giấy nhám	Tờ	3

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP III CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

Loại xe	Bảo dưỡng cấp III (Km)
Xe buýt điện trung bình	40.000

NỘI DUNG CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CẤP III CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.

STT	Nội dung công việc
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
8	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần.
9	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
10	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
11	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh
13	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
14	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
15	Kiểm tra hoạt động của các cảm biến, vệ sinh cảm biến, giắc cắm
16	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ.
17	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
18	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp, thực hiện cân bằng lốp
19	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe
20	Kiểm tra thay dầu trợ lực lái
21	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
22	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
23	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.
24	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.
25	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...
26	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
27	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe

STT	Nội dung công việc
29	Kiểm tra lưới gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần
30	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
31	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
32	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe
33	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát
34	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...
35	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP III CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)	0,5	3
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	3
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi .	1	4
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	4
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	2
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	3
8	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần.	0,5	3
9	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	3
10	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	4
11	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan	1	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh	1	4
13	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	4
14	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	4
15	Kiểm tra hoạt động của các cảm biến, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	4
16	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ.	4	4
17	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	4
18	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp, thực hiện cân bằng lốp	2	4
19	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	4
20	Kiểm tra thay dầu trợ lực lái	0,5	2
21	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	3
22	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	2
23	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.	1,5	3
24	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.	0,5	2
25	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...	1,5	4
26	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
27	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1	3
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	1	3
29	Kiểm tra lưới gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần	0,5	3
30	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,5	3
31	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
32	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	4
33	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	4
34	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...	0,5	4
35	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Tổng	36	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP III CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Tên Vật Tư	Đơn Vị	Số Lượng
1	Dầu rửa	Lít	1
2	Mỡ bơm	Kg	1
3	Vải lau	Kg	2
4	Nước làm mát	Lít	11
5	Dầu trợ lực tay lái	Lít	5,6
6	Lọc gió máy nén	Cái	1

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP IV CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

Loại xe	Bảo dưỡng cấp IV (Km)
Xe buýt điện trung bình	60.000

NỘI DUNG CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CẤP IV CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kiểm tra xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi.
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ

STT	Nội dung công việc
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ biến tần
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp quản lý pin cao áp
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ điều khiển 4 in 1
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển động cơ
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp BCM
13	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển máy lạnh ACM
14	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
15	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần.
16	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh
17	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh
18	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
19	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan
20	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái
21	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí
22	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống
23	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
24	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
25	Kiểm tra hoạt động của các cảm biến, vệ sinh cảm biến, giắc cắm
26	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ.
27	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
28	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp, thực hiện cân bằng lốp
29	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe
30	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại toàn bộ các vị trí bulong gầm
31	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
32	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.
33	Kiểm tra đường ống làm mát pin và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
34	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng

STT	Nội dung công việc
35	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát Pin (BMS): Sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn
36	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát Pin (BMS) Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)
38	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.
39	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)
40	Kiểm tra rò rỉ trên các đường ống điều hòa, mối nối, mối hàn, van, ...
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm
43	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước và cửa sau
44	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước, cửa sau
45	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước, cửa sau
46	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...
47	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
48	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
49	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)
50	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định
51	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
52	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe
53	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
54	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
55	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe
56	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống camera quan sát
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP IV CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
1	Chuẩn bị tác nghiệp (hồ sơ bảo dưỡng, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc)	0,5	3
2	Rửa xe (trong, ngoài, gầm xe, vỏ xe), vệ sinh cánh tản nhiệt (két nước) và dàn nóng máy lạnh.	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	3
4	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi, kiểm tra hiển thị trên đồng hồ táp lô, xóa lỗi nếu phát hiện đèn hiển thị lỗi .	1	4
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	4
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	2
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	1	4
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ biến tần	1	4
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp quản lý pin cao áp	0,5	4
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ điều khiển 4 in 1	0,5	4
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển động cơ	0,5	4
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp BCM	0,5	4
13	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng hộp điều khiển máy lạnh ACM	0,5	4
14	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	3
15	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát máy lạnh nếu cần.	0,5	3
16	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	3
17	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống dẫn khí hệ thống phanh	1	4
18	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1	4
19	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan	1	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
20	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	2
21	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	3
22	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống	0,5	3
23	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	4
24	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	4
25	Kiểm tra hoạt động của các cảm biến, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	4
26	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ.	4	4
27	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	4
28	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp, thực hiện cân bằng lốp	2	4
29	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	4
30	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại toàn bộ các vị trí bulong gầm	1	4
31	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	2
32	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.	0,5	2
33	Kiểm tra đường ống làm mát pin và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
34	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
35	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát Pin (BMS): Sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn	1	4
36	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát Pin (BMS) Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	1	4
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)	1	4
38	Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh.	1,5	4
39	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1	4
40	Kiểm tra rò rỉ trên các đường ống điều hòa, mối nối, mối hàn,	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ yêu cầu
	van,..		
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa	0,5	4
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,5	4
43	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước và cửa sau	1	3
44	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước, cửa sau	1	3
45	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước, cửa sau	1	3
46	Kiểm tra, siết chặt, tra dầu các khớp cửa; kiểm tra hệ thống đóng mở cửa; kiểm tra, siết chặt các chân ghế; bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...	1,5	4
47	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,5	3
48	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
49	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	1	4
50	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
51	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1	3
52	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	3
53	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,5	4
54	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,5	3
55	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các jack cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	4
56	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các jack cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	4
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các jack cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa, công tắc báo xuống xe...	0,5	4
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Tổng	52,5	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP IV CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Tên Vật Tư	Đơn Vị	Số Lượng
1	Dầu rửa	Lít	1
2	Mỡ bơm	Kg	5
3	Vải lau	Kg	2
4	Nước làm mát	Lít	5
5	Băng keo điện	Cuộn	5
6	Giấy nhám	Tờ	3

ĐỊNH NGẠCH SỬA CHỮA LỚN XE VÀ TỔNG THÀNH CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

Loại xe	Định mức sửa chữa lớn lần đầu (1000 Km)			
	Phần Gầm và truyền lực	Phần Điện	Phần Điều hòa (Lạnh)	Phần Đồng Sơn Thân và Khung Xe
Xe buýt điện trung bình	250	250	250	250

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
I.	PHẦN GẦM, TRUYỀN LỰC		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	3
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, ... Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	45	3
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe, tháo toàn bộ hệ thống lốp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan	8	3
4	Chẩn đoán tình trạng xe bằng thiết bị chuẩn đoán	0,5	3
5	Tháo các cụm tổng thành khỏi xe và lắp sau sửa chữa		
	Tháo, lắp các bánh xe	3	2
	Tháo, lắp trục các đăng	1,5	2
	Tháo, lắp moay ơ	13	3
	Tháo, lắp dầm cầu sau	18	3

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
	Tháo, lắp hệ thống thanh giằng cầu trước	18	3
	Tháo, lắp hệ thống phanh, đĩa phanh, cụm phanh, bầu phanh trước, sau	6	3
	Tháo, lắp hệ thống lái, trợ lực lái	7	3
	Tháo, lắp bình hơi	2	3
6	Kiểm tra các chi tiết khi tháo, đo đạc các thông số kỹ thuật theo quy định của nhà sản xuất và lập phương án sửa chữa chi tiết.	36	4
7	Sửa chữa, thay thế các chi tiết trục các đăng	6	4
8	Sửa chữa các cụm moay ơ và các chi tiết liên quan	46	4
9	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái.		
	Thay bạc + ốc phi dê	15	4
	Thay rô tuyn + cao su thanh giằng cầu trước	12	4
	Thay bộ roong phốt hộp cơ cấu lái (bót tay lái)	10	4
	Thay bơm trợ lực lái	5	4
	Thay ống dầu trợ lực lái	4	4
	Thay ổ bi chữ thập trục tay lái	3	4
	Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trục tay lái	13	4
10	Sửa chữa hệ thống treo		
	Thay bầu hơi (xe)	8	4
	Sửa chữa thay thế đế bầu hơi (xe)	8	4
	Sửa chữa thay thế cóc nâng bầu (xe)	3	4
	Thay thế phuộc giảm chấn (xe)	5	3
	Thay thế cao su giằng cầu	4	4
11	Sửa chữa, thay thế hệ thống phanh		
	Thay thế các ống dẫn hơi hệ thống phanh	6	4
	Thay tổng phanh hoặc bộ sin tổng phanh	5	4
	Thay bộ đĩa chia hơi phanh	3	4
	Thay rơ le van đóng mở hơi các loại	5	4
	Sửa chữa, thay thế cụm phanh lock kê (phanh tay)	4	3
	Thay bầu phanh 4 bánh	5	4
	Sửa chữa, thay thế đĩa phanh 4 bánh	5	4
	Thay má phanh 4 bánh	4	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
12	Thay đế + bầu lọc tách nước hơi khí nén	3	4
13	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống vành bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ đội Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao.	22	4
	Cộng	365	
II.	PHẦN ĐIỆN		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	3
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, .. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	30	3
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết và các cụm chi tiết ra khỏi xe		
	Tháo, lắp động cơ điện	15	4
	Tháo, lắp các cụm đèn trước, sau	4	4
	Tháo, lắp đèn mui xe	2	4
	Tháo, lắp đèn trong xe	22	4
	Tháo, lắp Pin (1 pack)	3	4
	Tháo, lắp bộ biến tần	5	4
	Tháo, lắp bộ BCM	2	4
	Tháo, lắp hộp 4 in 1	4	4
	Tháo, lắp hộp điều khiển làm mát Pin BMS	3	4
	Tháo, lắp loa, radio, micro...	3	4
	Tháo, lắp khoang táp lô	3	4
	Tháo, lắp bộ gạt mưa	2	4
	Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa (bao gồm van cơ khí, piston xy lanh đóng mở cửa và cả các thanh giằng rô tuyn cửa)	4	4
	Tháo, lắp bộ dây điện đầu xe, hộp cầu chì	12	4
	Tháo, lắp bộ dây điện trần xe (tính cả ốp hông và ốp trần)	20	4
	Tháo, lắp bộ dây điện chassi	24	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
	Tháo, lắp bộ dây điện đuôi xe	12	4
	Tháo, lắp bộ dây điện khoang động cơ	16	4
	Tháo, lắp hệ thống điều khiển role, cầu chì, ắc quy	8	4
4	Sửa chữa động cơ điện		
	Thay vòng bi	10	4
	Đo kiểm tra rô to, stato	8	4
5	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18	4
6	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18	3
7	Sửa chữa bó dây chassi, thay dây mới	18	4
8	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	20	4
9	Hệ thống làm mát Pin		
	Tháo, lắp bơm nước	3	4
	Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	5	4
	Tháo, lắp cảm biến nhiệt độ	1	4
	Tháo, lắp bình nước phụ	1	3
	Thay thế dung dịch làm mát	2	4
	Tháo, lắp dàn lạnh, dàn nóng	2	4
10	Hệ thống làm mát động cơ điện, BCM, bộ biến tần, hộp 4 in 1		
	Tháo, lắp bơm nước	1	4
	Tháo, lắp kết nước	1,5	4
	Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	3	4
	Tháo, lắp bình nước phụ	0,5	3
	Thay thế dung dịch làm mát	2	4
11	Kiểm tra sửa chữa, thay thế đèn led	24	4
12	Kiểm tra sửa chữa, thay thế camera	6	4
13	Kiểm tra sửa chữa, thay thế màn hình quảng cáo	8	4
14	Kiểm tra sửa chữa, thay thế công tắc báo xuống xe	4	4
15	Kiểm tra sửa chữa, thay thế các cổng sạc trên xe	4	4
16	Kiểm tra sửa chữa, thay thế ắc quy 12V- 90AH	2	3
17	Kiểm tra hoàn thiện và bàn giao	6	4
	Cộng	365	

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
III.	PHẦN ĐIỀU HÒA (LẠNH)		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, .. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	25	3
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết và các cụm chi tiết ra khỏi xe		
	Thu hồi ga	1,5	4
	Tháo, lắp quạt dàn nóng, dàn lạnh	2,5	4
	Tháo, lắp dàn nóng	3,5	4
	Tháo, lắp dàn lạnh	4,6	4
	Tháo, lắp hệ thống đường ống cao áp, thấp áp	19	4
	Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	24	4
	Tháo, lắp máy nén điều hòa	2,4	4
	Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,5	4
	Tháo, lắp công tắc điều khiển	1	4
	Tháo, lắp hệ thống dây điện	15	4
	Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25	4
	Tháo, lắp hộp DC-DC chuyển đổi và phân phối điện cho hệ thống điều hòa	3	4
	Tháo, lắp fill lọc ga điều hòa	3	4
	Tháo, lắp van tiết lưu	3	4
4	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh.	7	4
5	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn nóng, thay thế	18	4
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn lạnh, thay thế	18	4
7	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	18	4
8	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển.	9	4
9	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9	4
10	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Bậc thợ
11	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4	4
	Cộng	231	
IV.	PHẦN ĐỒNG SƠN THÂN VÀ KHUNG XE		
1	Tháo gỡ toàn bộ kính, tôn vỏ, ghế đệm, cửa xe, bậc lên xuống, chấn bùn xe	70	4
2	Sửa chữa phục hồi các khung cửa vỏ xe	500	3
3	Sửa chữa phục hồi phần vỏ, bậc lên xuống, chấn bùn xe	560	3
4	Sửa chữa phục hồi các ghế, đệm tựa, lắp ráp hoàn chỉnh lên xe	400	4
5	Sửa chữa phục hồi các dầm, xà, sàn xe, lớp bọc lót thành trong xe	480	4
6	Sửa chữa phục hồi, cửa lên xuống, các khung cửa kính, cửa thông gió	140	4
7	Lắp ráp hoàn chỉnh	110	4
8	Làm sạch bề mặt tôn vỏ xe, sàn xe, sơn chống gỉ sàn xe, ma tít, sơn lót toàn phần trong và ngoài vỏ xe, sơn bóng toàn bộ xe, sơn biển số hông xe, dán decal chữ trong và ngoài xe	380	4
	Cộng	2640	

ĐỊNH MỨC PHỤ TÙNG CHO SỬA CHỮA LỚN CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
I.	PHẦN GÀM, TRUYỀN LỰC		
1	Cầu trước, sau	bộ	500.000
2	Moay ơ trước, sau	cái	300.000
3	Bầu hơi	cái	150.000
4	Đế bầu hơi + cao su giảm chấn bầu hơi	bộ	200.000
5	Tổng phanh	cái	120.000
6	Cảm biến báo mòn má phanh	bộ	120.000
7	Cảm biến ABS	cái	120.000
8	Hộp tay lái (bót lái)	cái	300.000
9	Vô lăng tay lái + phím nhấn còi	bộ	300.000
10	Vòng bi moay ơ	cái	80.000
11	Bạc đạn chữ thập, gối đỡ, bi trung gian các đăng	bộ	80.000

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
12	Trục các đăng (láp)	cái	200.000
13	Bơm trợ lực tay lái	cái	100.000
14	Bánh răng các loại	bộ	300.000
15	Giảm xóc	cái	80.000
16	Các loại van hơi	bộ	100.000
17	Xi lanh đóng mở cửa hơi	cái	100.000
18	Bầu phanh trước, sau	cái	200.000
19	Da bầu phanh trước, sau	cái	60.000
20	Gioăng phốt tay lái	bộ	100.000
21	Gioăng phốt cầu sau	bộ	60.000
22	Phốt moay ơ	bộ	20.000
23	Bulông tắc kê	cái	100.000
24	Ắc phi dê	bộ	100.000
25	Rô tuyền tay lái	cái	100.000
26	Trục láp	cái	250.000
27	Trục ba ngang, ba dọc	bộ	250.000
28	Bánh răng vành chậu quả dứa	cái	250.000
29	Bộ công tắc điều khiển hộp số	bộ	100.000
30	Đĩa phanh	cái	120.000
31	La zăng	cái	120.000
32	Séc măng bơm hơi	bộ	60.000
33	Xi lanh, piston bơm hơi	cái	120.000
34	Tay lock kê (phanh tay)	bộ	250.000
35	Bình chứa hơi	cái	250.000
36	Các loại ống hơi	cái	60.000
37	Các loại vòng bi cầu	cái	150.000
38	Các loại cao su giảm chấn	cái	40.000
39	Bạc và ắc giăng cầu	cái	80.000
II.	PHẦN ĐIỆN		
1	Vòng bi động cơ điện 3 pha	cái	200.000
2	Bơm nước làm mát động cơ	cái	200.000
3	Bơm hơi (máy nén khí)	cái	250.000
4	Bơm nước làm mát Pin	bộ	250.000

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
5	Hộp 4 in 1	hộp	250.000
6	Bộ biến tần	bộ	250.000
7	Hộp quản lý pin cao áp	hộp	250.000
8	Hộp điều khiển động cơ	hộp	250.000
9	Hộp BCM	hộp	250.000
10	Hộp điều khiển máy lạnh ACM	hộp	250.000
11	Hộp điều làm mát Pin BMS	hộp	250.000
12	Pin xe (5 pack pin)	hộp	500.000
13	Hộp điều khiển VCU (Điều khiển toàn bộ hệ thống điện)	hộp	250.000
14	Hộp MOTOR CONTROLER	hộp	250.000
15	Máy nén khí	cái	250.000
16	Bộ điều khiển máy nén khí	bộ	250.000
17	Động cơ điện dẫn động bơm tay lái	cái	250.000
18	Bộ điều khiển bơm trợ lực tay lái	bộ	250.000
19	Bơm nước điện	cái	250.000
20	Quạt giải nhiệt két nước	cái	250.000
21	Bộ điều khiển quạt giải nhiệt két nước	bộ	250.000
22	Còi điện	bộ	50.000
23	Mô tơ gạt mưa	cái	100.000
24	Thanh truyền gạt mưa	bộ	200.000
25	Rơ le cắt mass	cái	100.000
26	Đèn pha, cos, xinhan trước	cái	100.000
27	Các đèn sau (đèn phanh, đèn lùi, đèn xi nhan)	cái	100.000
28	Bóng đèn các loại	cái	20.000
29	Rơ le các loại	cái	80.000
30	Công tắc các loại	cái	60.000
31	Dây cáp ắc quy	cái	160.000
32	Đồng hồ các loại	bộ	160.000
33	Bộ đóng mở cửa điện	cái	120.000
34	Các loại cảm biến	bộ	60.000
35	Van điều khiển điện từ	cái	120.000
36	Đèn Led xung quanh xe	cái	200.000

STT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
37	Bảng điều khiển đèn Led	cái	150.000
38	Camera	cái	200.000
39	Đầu ghi camera	cái	200.000
40	Đèn trần	bộ	120.000
41	Cần, chổi gạt mưa	bộ	60.000
42	Hệ thống loa thông báo điểm dừng	bộ	200.000
43	Đầu radio casset	cái	200.000
III.	PHẦN ĐIỀU HÒA (LẠNH)		
1	Bình lọc, làm khô	cái	80.000
2	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	130.000
3	Mô tơ quạt dàn nóng	cái	130.000
4	Lưới lọc	bộ	50.000
5	Van tiết lưu	cái	130.000
6	Ống cao su	bộ	130.000
7	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	cái	130.000
8	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	cái	100.000
9	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	bộ	130.000
10	Máy nén lạnh	bộ	300.000
11	Dàn lạnh	cái	300.000
12	Dàn nóng	cái	300.000
13	Bảng điều khiển	bộ	200.000
14	Công tắc áp suất	cái	200.000
15	Cụm đường ống cao áp	bộ	300.000
16	Cụm đường ống thấp áp	bộ	300.000
17	Bình chứa	cái	300.000
18	Thay gas lạnh	kg	80.000
19	Thay dầu máy nén lạnh	ml	80.000

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ SỬA CHỮA LỚN CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số Lượng
I.	PHẦN GÀM, TRUYỀN LỰC		
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	25
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số Lượng
3	Năng lượng điện chạy thử	KWh	10
4	Keo làm kín (keo dán roong)	tuýp	2
5	Giẻ lau	Kg	5
6	Giấy nhám	Tờ	5
7	Mỡ moay ơ	Kg	6
8	Mỡ bơm	Kg	1
II.	PHẦN ĐIỆN		
1	Băng keo điện	Cuộn	5
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2
3	Năng lượng điện chạy thử	KWh	10
4	Dây điện	mét	200
5	Dây rút các loại	cái	100
6	Giấy nhám	Tờ	5
7	Chất tẩy rửa RP7	Bình	2
8	Giẻ lau	Kg	2
III.	PHẦN ĐIỀU HÒA (LẠNH)		
1	Băng keo điện	Cuộn	5
2	Dây điện	mét	10
3	Dây rút các loại	cái	100
4	Giấy nhám	Tờ	5
5	Chất tẩy rửa RP7	Bình	1
6	Giẻ lau	Kg	2
7	Năng lượng điện chạy thử	KWh	10
IV.	PHẦN ĐỒNG SƠN THÂN VÀ KHUNG XE		
1	Sơn chống gỉ	lít	15
2	Sơn ghi lót	lít	3
3	Sơn màu	lít	14
4	Sơn gầm xe ô tô	lít	7
5	Đồng cứng lót	lít	6
6	Dung môi pha sơn	lít	4
7	Mỡ bơm	lít	1
8	Giấy nhám các loại	tờ	20
9	Đồng cứng màu	lít	1

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số Lượng
10	Bả keo hai thành phần	kg	40
11	Giấy nhám đĩa để mài	cái	100
12	Băng dính	cuộn	10
13	Giấy bảo	kg	5
14	Giẻ lau	kg	5

ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG LỚP CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

TT	Loại xe	Số lượng (bộ)	Định ngạch sử dụng (1.000 km)
1	Xe buýt điện trung bình	6	55

ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG ẮC QUY CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

TT	Loại xe	Chủng loại	Số lượng (bộ)	Định ngạch sử dụng (tháng)
1	Xe buýt điện trung bình	100 Ah	2	18

ĐỊNH MỨC QUẢN LÝ CHUNG CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức quản lý chung	%	5

Ghi chú: Định mức quản lý chung được xác định tỷ lệ % chi phí trực tiếp.

ĐỊNH MỨC LỢI NHUẬN ĐỊNH MỨC CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức lợi nhuận định mức	%	4,5

Ghi chú: Định mức lợi nhuận định mức được xác định tỷ lệ % (chi phí trực tiếp + chi phí chung)

ĐỊNH MỨC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH ÁP DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức quản lý, vận hành, áp dụng khoa học công nghệ	%	Được xác định theo tỷ lệ % chi phí so với chi phí trực tiếp vận hành trong đơn giá được duyệt

Ghi chú: Định mức quản lý, vận hành áp dụng khoa học công nghệ được xác định bằng tỷ lệ % chi phí vận hành áp dụng khoa học công nghệ (bao gồm chi phí khấu hao hệ thống khoa học công nghệ, chi phí lao động vận hành, năng lượng vận hành, chi phí bảo dưỡng duy trì hệ thống

khoa học công nghệ) so với chi phí trực tiếp.

ĐỊNH MỨC TRẠM SẠC CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức trạm sạc	%	Được xác định theo tỷ lệ % chi phí so với chi phí trực tiếp vận hành trong đơn giá được duyệt

Ghi chú: Định mức trạm sạc được xác định bằng tỷ lệ % chi phí trạm sạc (bao gồm chi phí khấu hao trạm sạc, hạ tầng phục vụ trạm sạc, chi phí lao động vận hành, năng lượng vận hành, chi phí bảo dưỡng duy trì trạm sạc) so với chi phí trực tiếp.

ĐỊNH MỨC KHÁC CHO XE BUÝT ĐIỆN TRUNG BÌNH

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Bảo hiểm trách nhiệm dân sự	Lần/năm	1
2	Kiểm định	Lần/năm	1,4
3	Bảo trì đường bộ	Lần/năm	1

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax:(028)38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>